

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH
Số: 11/2023/QĐST-DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái

Ông Dương Cao Sơn.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235, 246 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 16 Điều 3, Điều 203 Luật đất đai;

Căn cứ điều 2 Luật người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12, khoản 2, 8 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: - Ông Nguyễn Xuân K, sinh năm 1955 (*Có mặt*)

- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1958 (*Có mặt*)

Đều trú tại: Thôn B, xã T, TP H, tỉnh Hà Tĩnh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đậu Xuân Đ – Công ty L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H (*vắng mặt*) và Luật sư Nguyễn Đình G – Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H (*có mặt*)

Bị đơn: - Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1974 (*Có mặt*)

- Bà Trần Thị N, sinh năm 1975 (*Có mặt*)

Đều trú tại: Thôn B, xã T, TP H, tỉnh Hà Tĩnh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1970; Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

- Bà Dương Thị L1, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt)

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Thửa đất số 768, tờ bản đồ số 02, diện tích 807m² (bản đồ 371) của ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B có nguồn gốc sử dụng từ năm 1982, đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N544660 ngày 16/12/1997 (cấp theo Nghị định 64/CP) mang tên bà Nguyễn Thị B. Năm 1994 ông K và bà B chuyển nhượng một phần diện tích đất cho ông Hoàng Trọng C và bà Nguyễn Thị L2 (việc chuyển nhượng được thực hiện bằng giấy viết tay giữa 02 gia đình, chưa đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền). Năm 2000, ông Hoàng Trọng C và bà Nguyễn Thị L2 chuyển nhượng lại quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T. Năm 2004 vợ chồng ông Nguyễn Hữu L (em ruột của ông T) và bà Trần Thị N xây dựng nhà trên phần diện tích đất trên. Tại đơn khởi kiện, ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị N trả lại diện tích đất lấn chiếm và tháo dỡ công trình xây dựng trên đất lấn chiếm của gia đình ông K bà B. Tại đơn yêu cầu độc lập, ông Nguyễn Hữu T yêu cầu ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B trả lại số tiền 171.000.000 đồng. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án tiến hành ngày 19/4/2023, thửa đất hiện nay được chia làm 2 phần, phần ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B đang sử dụng có diện tích 537,9m², phần ông Nguyễn Hữu L và bà Trần Thị N đang sử dụng có diện tích 121,5m².

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận thống nhất:

Ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt toàn bộ thửa đất số 768, tờ bản đồ số 02 (bản đồ 371) bao gồm thửa đất số 371 và thửa đất số 372 tờ bản đồ số 21 có tổng diện tích 659,4m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bao gồm nhà ở của ông K, bà B, nhà ở của ông L, bà N và các công trình khác gắn liền với đất tại thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Từ cận thửa đất cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp đường dân cư

Phía Nam giáp thửa đất số 373 tờ bản đồ số 21

Phía Đông giáp đất hộ ông Trần Hữu Đ1 và đất hành lang đường

Phía Tây giáp đường H

(Có sơ đồ thửa đất kèm theo)

Ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Ông Nguyễn Hữu T không yêu cầu ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B chịu tiền lãi chậm thi hành án.

***Về án phí:** Ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm; ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

***Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:** Ông Nguyễn Xuân K và bà Nguyễn Thị B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTPHT;
- THADSTPHT;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Huyền